

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 4-KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ 1****I. Trắc nghiệm**

Câu 1: Số: Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tư viết là:

- A. 59 643 554 B. 59 634 584 C. 5 986 544 D. 5 894 564

Câu 2: Nhà Trần được thành lập năm 1226 thuộc thế kỉ thứ mấy?

- A. X B. XI C. XII D. XIII

Câu 3: Số 452 530 làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta được số:

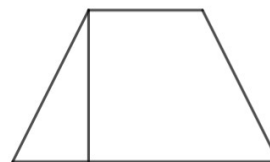
- A. 450 000 B. 500 000 C. 550 000 D. 400 000

Câu 4: Số cần điền vào chỗ chấm của $1452 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{tấn} \dots\dots\dots \text{kg}$

- A. 14 tấn 52 kg B. 145 tấn 2 kg C. 1 tấn 452 kg D. 1 tấn 542 kg

Câu 5: Dòng nào sau đây nêu đúng số các góc có trong Hình bên?

- A. Hình bên có 2 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
 B. Hình bên có 3 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
 C. Hình bên có 3 góc vuông, 3 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
 D. Hình bên có 3 góc vuông, 3 góc nhọn, 2 góc tù, 1 góc bẹt



Câu 6: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 6 ngày 10 giờ =giờ là:

- A. 69 B. 144 C. 135 D. 154

Câu 7: Trong các dãy số sau, dãy số nào chỉ có các số chẵn:

- A. 45, 47, 48, 49 B. 44, 46, 48, 50 C. 29, 30, 31, 32 D. 0, 1, 2, 4

Câu 8: Giá trị của biểu thức $(m + n) : p$ nếu $m = 5$, $n = 19$ và $p = 3$ là:

- A. 10 B. 9 C. 8 D. 7

Câu 9: $1 \text{ m}^2 50 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 150 dm^2 B. 150 C. 105 dm^2 D. 105

Câu 10: Điền dấu $>$, $<$, $=$

54 421 312 54 521 312

1 247 136 2 463 145

10 452 316 9 412 741

479 412 461 007

7 849 121 7 849 121

510 784 $510780 + 4$

II. Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$52\,149 + 24\,778$$

$$72\,508 - 20\,429$$

$$31\,089 \times 5$$

$$43\,263 : 9$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 102 tạ gạo và nhiều hơn ngày thứ hai 7 tạ gạo, ngày thứ ba bán nhiều hơn ngày thứ nhất 15 tạ gạo. Hỏi cả ba ngày của hàng bán được bao nhiêu tạ gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 100 dm, chiều rộng kém chiều dài 2 m. Hỏi diện tích mảnh vườn đó rộng bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Số: Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tư viết là:

- A. 59 643 554 B. 59 634 584 C. 5 986 544 D. 5 894 564

Câu 2: Nhà Trần được thành lập năm 1226 thuộc thế kỉ thứ mấy?

- A. X B. XI C. XII D. XIII

Câu 3: Số 452 530 làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta được số:

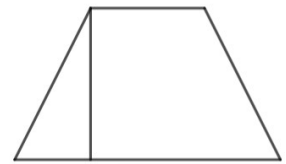
- A. 450 000 B. 500 000 C. 550 000 D. 400 000

Câu 4: Số cần điền vào chỗ chấm của $1452 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{tấn} \dots\dots\dots \text{kg}$

- A. 14 tấn 52 kg B. 145 tấn 2 kg C. 1 tấn 452 kg D. 1 tấn 542 kg

Câu 5: Dòng nào sau đây nêu đúng số các góc có trong Hình bên?

- A. Hình bên có 2 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
 B. Hình bên có 3 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
 C. Hình bên có 3 góc vuông, 3 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
D. Hình bên có 3 góc vuông, 3 góc nhọn, 2 góc tù, 1 góc bẹt



Câu 6: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 6 ngày 10 giờ =giờ là:

- A. 69 B. 144 C. 135 D. 154

Câu 7: Trong các dãy số sau, dãy số nào chỉ có các số chẵn:

- A. 45, 47, 48, 49 B. 44, 46, 48, 50 C. 29, 30, 31, 32 D. 0, 1, 2, 4

Câu 8: Giá trị của biểu thức $(m + n) : p$ nếu $m = 5$, $n = 19$ và $p = 3$ là:

- A. 10 B. 9 C. 8 D. 7

Câu 9: $1 \text{ m}^2 50 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 150 dm^2 B. 150 C. 105 dm^2 D. 105

Câu 10: Điền dấu $>$, $<$, $=$

$54\,421\,312 \dots < \dots 54\,521\,312$

$1\,247\,136 \dots < \dots 2\,463\,145$

$10\,452\,316 \dots > \dots 9\,412\,741$

$479\,412 \dots > \dots 461\,007$

$7\,849\,121 \dots = \dots 7\,849\,121$

$510\,784 \dots = \dots 510\,780 + 4$

II. Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$52\,149 + 24\,778$$

$$\begin{array}{r} 52\,149 \\ + 24\,778 \\ \hline 76\,927 \end{array}$$

$$72\,508 - 20\,429$$

$$\begin{array}{r} 72\,508 \\ - 20\,429 \\ \hline 52\,079 \end{array}$$

$$31\,089 \times 5$$

$$\begin{array}{r} 31\,089 \\ \times 5 \\ \hline 155\,445 \end{array}$$

$$43\,263 : 9$$

$$\begin{array}{r} 43\,263 \overline{) 9} \\ 36 \\ \hline 72 \\ 72 \\ \hline 6 \\ 0 \\ \hline 63 \\ 63 \\ \hline 0 \end{array}$$

Bài 2: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 102 tạ gạo và nhiều hơn ngày thứ hai 7 tạ gạo, ngày thứ ba bán nhiều hơn ngày thứ nhất 15 tạ gạo. Hỏi cả ba ngày của hàng bán được bao nhiêu tạ gạo?

Bài giải

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số tạ gạo là:

$$102 - 7 = 95 \text{ (tạ)}$$

Ngày thứ ba của hàng bán được số tạ gạo là:

$$102 + 15 = 117 \text{ (tạ)}$$

Cả ba ngày cửa hàng bán được số tạ gạo là:

$$102 + 95 + 117 = 314 \text{ (tạ)}$$

Đáp số: 314 tạ

Bài 3: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 100 dm, chiều rộng kém chiều dài 2 m. Hỏi diện tích mảnh vườn đó rộng bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

$$\text{Đổi } 100 \text{ dm} = 10 \text{ m}$$

Chiều rộng mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$10 - 2 = 8 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn rộng số mét vuông là:

$$10 \times 8 = 80 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 80 m².

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 4-KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ 2****I. Trắc nghiệm****Câu 1:** Năm 1783 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. XV B. XVI C. XVII D. XVIII

Câu 2: Số cần điền vào chỗ chấm của 3 452 kg =tấnkg

- A. 34 tấn 52 kg B. 345 tấn 2 kg C. 3 tấn 452 kg D. 3 tấn 542 kg

Câu 3: Giá trị của biểu thức $(m - n) \times p$ nếu $m = 24$, $n = 4$ và $p = 3$ là:

- A. 50 B. 60 C. 80 D. 70

Câu 4: Số 5 trong số 14 531 274 có giá trị là:

- A. 50 000 B. 500 000 C. 5 000 000 D. 5 000

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 6 giờ 15 phút =phút là:

- A. 369 B. 344 C. 375 D. 354

Câu 6: Số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là:

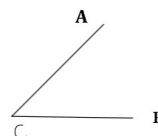
- A. 99 999 B. 99 998 C. 98 675 D. 98 765

Câu 7: Biết số gồm **Bảy trăm nghìn, hai chục nghìn, chín trăm, ba chục, hai đơn vị**. Số đó là:

- A. 7 903 B. 72 932 C. 720 932 D. 729 032

Câu 8: Tên đúng của góc trong hình vẽ trên là:

- A. Góc đỉnh A, cạnh AB, AC
B. Góc đỉnh B, cạnh BA, BC
C. Góc đỉnh C, cạnh CA, CB

**II. Tự luận****Bài 1:** Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$54\,421\,312 \dots\dots 54\,521\,312$$

$$10\,452\,316 \dots\dots 9\,412\,741$$

$$7\,849\,121 \dots\dots 7\,849\,121$$

$$955\text{ cm}^2 \dots\dots 9\text{ dm}^2\,50\text{ cm}^2$$

$$2\,001\text{ cm}^2 \dots\dots 20\text{ dm}^2\,10\text{ cm}^2$$

$$320\text{ cm}^2 \dots\dots 3\text{ dm}^2\,20\text{ cm}^2$$

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$52\,475 + 24\,471$$

$$63\,178 - 11\,478$$

$$41\,255 \times 6$$

$$74\,121 : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Một trại nuôi gà ngày đầu bán được 3 756 con gà, ngày thứ hai bán ít hơn ngày đầu 2 504 con gà, ngày thứ ba bán bằng tổng hai ngày đầu. Hỏi cả ba ngày bán được bao nhiêu con gà?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 150m và chiều rộng 80m. Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Năm 1783 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. XV B. XVI C. XVII **D. XVIII**

Câu 2: Số cần điền vào chỗ chấm của 3 452 kg =tấnkg

- A. 34 tấn 52 kg B. 345 tấn 2 kg **C. 3 tấn 452 kg** D. 3 tấn 542 kg

Câu 3: Giá trị của biểu thức $(m - n) \times p$ nếu $m = 24$, $n = 4$ và $p = 3$ là:

- A. 50 **B. 60** C. 80 D. 70

Câu 4: Số 5 trong số 14 531 274 có giá trị là:

- A. 50 000 **B. 500 000** C. 5 000 000 D. 5 000

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 6 giờ 15 phút =phút là:

- A. 369 B. 344 **C. 375** D. 354

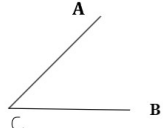
Câu 6: Số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là:

- A. 99 999 B. 99 998 C. 98 675 **D. 98 765**

Câu 7: Biết số gồm **Bảy trăm nghìn, hai chục nghìn, chín trăm, ba chục, hai đơn vị**. Số đó là:

- A. 7 903 B. 72 932 **C. 720 932** D. 729 032

Câu 8: Tên đúng của góc trong hình vẽ trên là:

<p>A. Góc đỉnh A, cạnh AB, AC</p> <p>B. Góc đỉnh B, cạnh BA, BC</p> <p>C. Góc đỉnh C, cạnh CA, CB</p>	
--	---

II. Tự luận

Bài 1: Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$54\,421\,312 \dots < \dots 54\,521\,312$$

$$955\text{ cm}^2 \dots > \dots 9\text{ dm}^2\,50\text{ cm}^2$$

$$10\,452\,316 \dots > \dots 9\,412\,741$$

$$2\,001\text{ cm}^2 \dots < \dots 20\text{ dm}^2\,10\text{ cm}^2$$

$$7\,849\,121 \dots = \dots 7\,849\,121$$

$$320\text{ cm}^2 \dots = \dots 3\text{ dm}^2\,20\text{ cm}^2$$

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$52\,475 + 24\,471$$

$$63\,178 - 11\,478$$

$$41\,255 \times 6$$

$$74\,121 : 3$$

52 475	63 178	41 255	74 121	3
$\begin{array}{r} + \\ 24\,471 \\ \hline 76\,946 \end{array}$	$\begin{array}{r} - \\ 11\,478 \\ \hline 51\,700 \end{array}$	$\begin{array}{r} \times \\ 6 \\ \hline 247\,530 \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ 2\,1 \\ 02 \\ 21 \\ 0 \end{array}$	$\begin{array}{r} 24707 \end{array}$

Bài 2: Một trại nuôi gà ngày đầu bán được 3 756 con gà, ngày thứ hai bán ít hơn ngày đầu 2 504 con gà, ngày thứ ba bán bằng tổng hai ngày đầu. Hỏi cả ba ngày bán được bao nhiêu con gà?

Bài giải

Ngày thứ hai bán được số con gà là:

$$3\,756 - 2\,504 = 1\,252 \text{ (con)}$$

Ngày thứ ba bán được số con gà là:

$$3\,756 + 1\,252 = 5\,008 \text{ (con)}$$

Cả ba ngày bán được số con là:

$$3\,756 + 1\,252 + 5\,008 = 10\,016 \text{ (con)}$$

Đáp số: 10 016 con

Bài 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m và chiều rộng 8m. Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.

Bài giải

Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(15 + 8) \times 2 = 46 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$15 \times 8 = 120 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 120 m².

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 4-KẾT NỐI TRI THỨC**ĐỀ 3****Phần 1. Trắc nghiệm (4 điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số “*Tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bảy*” được viết là:

- A. 823 017 B. 832 017 C. 82 317 D. 823 170

Câu 2. Số chẵn lớn nhất có 6 chữ số là:

- A. 888 888 B. 100 000 C. 999 999 D. 999 998

Câu 3. Số 190 101 994 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 190 100 000 B. 190 000 000
C. 200 000 000 D. 190 200 000

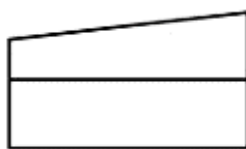
Câu 4. Dãy số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 567899; 567898; 567897; 567896 B. 978653; 979653; 970653; 980653
C. 865742; 865842; 865942; 865043 D. 754219; 764219; 774219; 775219

Câu 5. Số liền sau của số 888 899 là số:

- A. 888 898 B. 888 900 C. 900 000 D. 888 799

Câu 6. “*Hình dưới đây có góc vuông*”. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:



- A. 2 B. 3 C. 6 D. 5

Câu 7. Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924. Năm đó thuộc thế kỉ:

- A. XIX B. X C. XIII D. IX

Câu 8. Giá trị của biểu thức $12 : (3 - m)$ với $m = 2$ là

- A. 12 B. 4 C. 2 D. 3

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. >, <, = (1 điểm)

- a) 73 882 339 57 492 492 b) 3 400 600 3 000 000 + 400 000 +

c) 22 222 222 1 000 000 000 600

d) 7 800 000 7 000 000 + 800 000

Câu 10. Tính giá trị biểu thức (1 điểm)

a) $57\,670 - (29\,853 - 2\,853)$

b) $19\,000 + 8\,140 + 2\,760$

.....

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

a) 4 tấn 50 yến =yến

b) $650\text{ cm}^2 = \text{.....dm}^2 \text{cm}^2$

c) 2 phút 12 giây =giây

d) 1 000 năm =thế kỉ

Câu 12. Một hình chữ nhật có chiều dài 2 216 cm và hơn chiều rộng 384 cm có chu vi bằng chu vi của một hình vuông. Tính độ dài cạnh của hình vuông đó. (2 điểm)

Bài giải

.....

Câu 13. Viết tất cả các số tròn chục có 4 chữ số khác nhau. Biết tổng các chữ số của số đó bằng 6. (1 điểm)

.....

ĐÁP ÁN

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
A	D	A	D	B	C	B	A

Câu 1.

Đáp án đúng là: A

Số đó là: 823 017

Câu 2.

Đáp án đúng là: D

Số chẵn lớn nhất có 6 chữ số là: 999 998

Câu 3.

Đáp án đúng là: A

Số 190 101 994 làm tròn đến hàng trăm nghìn là: 190 100 000.

Câu 4.

Đáp án đúng là: D

Dãy số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: 754219; 764219; 774219; 775219.

Câu 5.

Đáp án đúng là: B

Số liền sau của số 888 899 là số: $888\ 899 + 1 = 888\ 900$

Câu 6.

Đáp án đúng là: C

“Hình dưới đây có góc vuông”. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là: 6.

Câu 7.

Đáp án đúng là: B

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924. Năm đó thuộc thế kỉ: X.

Câu 8.

Đáp án đúng là: A

Giá trị của biểu thức $12 : (3 - m)$ với $m = 2$ là $12 : (3 - 2) = 12 : 1 = 12$.

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. $>$, $<$, $=$

a) $73\,882\,339 > 57\,492\,492$

b) $3\,400\,600 = 3\,000\,000 + 400\,000 + 600$

c) $22\,222\,222 < 1\,000\,000\,000$

d) $7\,800\,000 > 7\,000\,000 + 800$

Câu 10.

a) $57\,670 - (29\,853 - 2\,853)$

$= 57\,670 - 27\,000$

$= 30\,670$

b) $19\,000 + 8\,140 + 2\,760$

$= 19\,000 + (8\,140 + 2\,760)$

$= 19\,000 + 10\,900$

$= 29\,900$

Câu 11.

a) 4 tấn 50 yến = 450 yến

b) $650\text{ cm}^2 = 6\text{ dm}^2 50\text{ cm}^2$

c) 2 phút 12 giây = 132 giây

d) 1 000 năm = 10 thế kỉ

Câu 12.

Bài giải

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$2\,216 - 384 = 1\,832 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(2\,216 + 1\,832) \times 2 = 8\,096 \text{ (cm)}$$

Cạnh hình vuông dài là:

$$8\,096 : 4 = 2\,024 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 2 024 cm.

Câu 13.

Chữ số tròn chục có chữ số hàng đơn vị là 0.

Vì số có 4 chữ số khác nhau và tổng các chữ số là 6 nên ta có:

$$6 = 3 + 2 + 1 + 0.$$

Các số cần tìm là: 3 210; 3 120; 2 310; 2 130; 1 320; 1 230.

Ma trận đề thi giữa học kì I – Môn Toán lớp 4 – Kết nối

Nội dung kiểm tra	Số câu, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số và phép tính: các số có nhiều chữ số; số chẵn, số lẻ; làm tròn số đến hàng trăm nghìn; số tự nhiên; biểu thức chứa chữ, so sánh; phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.	Số câu	3		3	2		1	6	3
	Số điểm	1,5		1,5	2		1	3	3
Đại lượng và đo các đại lượng: Yên, tạ, tấn, giây, thế kỉ, dm^2 ; m^2 ; mm^2 .	Số câu	1			1			1	1
	Số điểm	0,5			1			0,5	1
Hình học: góc nhọn, góc tù, góc bẹt, đo góc.	Số câu			1				1	
	Số điểm			0,5				0,5	
Giải bài toán có ba bước tính	Số câu				1				1
	Số điểm				2				2
Tổng	Số câu	4		4	4		1	8	5
	Số điểm	2		2	5		1	4	6

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 4-KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ 4

Phần 1. Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Chữ số 7 trong số 172 938 thuộc hàng là:

- A. Hàng chục
- B. Hàng trăm
- C. Hàng nghìn
- D. Hàng chục nghìn

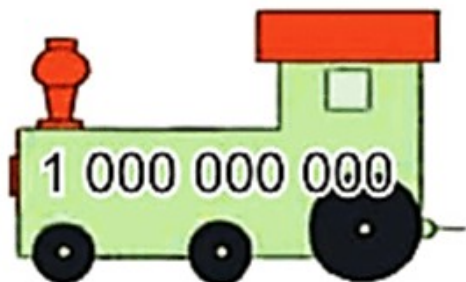
Câu 2. Số lẻ bé nhất có 6 chữ số là:

- A. 999 999
- B. 111 111
- C. 100 001
- D. 100 000

Câu 3. Số 9 875 624 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 9 000 000
- B. 9 900 000
- C. 9 800 000
- D. 10 000 000

Câu 4. Cho hình vẽ dưới đây:



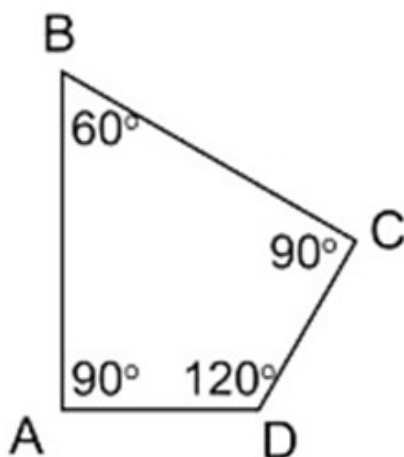
Trong các số ghi trên đầu tàu và toa tàu ở trên, số bé nhất là:

- A. 380 999 999
- B. 99 999 999
- C. 1 000 000 000
- D. 380 000 982

Câu 5. Số liền trước của số 200 000 là số:

- A. 100 000
- B. 200 001
- C. 199 999
- D. 100 009

Câu 6. Cho hình vẽ dưới đây:



Góc có số đo 60° là:

- A. Góc đỉnh A; cạnh AB, AD
- B. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC
- C. Góc đỉnh C; cạnh CB, CD
- D. Góc đỉnh D; cạnh DC, DA

Câu 7. Năm 2024 thuộc thế kỉ là:

- A. XIX
- B. XX
- C. XXI
- D. XXII

Câu 8. Giá trị của biểu thức $(m + 4) \times 3$ với $m = 21$ là

- A. 75
- B. 21
- C. 25
- D. 12

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) Số 1 387 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn được: 1 300 000.

b) Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 33.

c) So sánh: $99\,999\,999 > 1\,000\,000\,000$.

d) Chữ số 7 ở số 345 678 910 thuộc hàng chục nghìn.

Câu 10. Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

a) $8\,000 \times 5 : 4$

.....
.....
.....

b) $13\,206 \times (28 : 7)$

.....
.....
.....

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

a) 6 tạ 5 kg =kg

b) $9\,234\text{ cm}^2 = \text{.....dm}^2 \text{cm}^2$

c) 5 phút 48 giây =giây

d) 5 thế kỉ =năm

Câu 12. Tâm đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 8 000 đồng. và mua 1 hộp bút chì màu giá 25 000 đồng. Tâm đưa cho cô bán hàng 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Tâm bao nhiêu tiền? (2 điểm)

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 13. Cho các chữ số 1, 0, 5, 3, 7 và 8. Lập số lớn nhất và số bé nhất có 6 chữ số khác nhau từ các chữ số trên. (1 điểm)

ĐÁP ÁN

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
D	C	B	B	C	B	C	A

Câu 1.

Đáp án đúng là: D

Chữ số 7 trong số 172 938 thuộc hàng là: Hàng chục nghìn.

Câu 2.

Đáp án đúng là: C

Số lẻ bé nhất có 6 chữ số là: 100 001.

Câu 3.

Đáp án đúng là: B

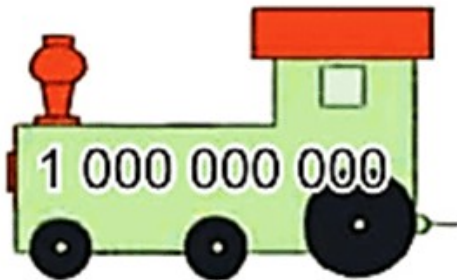
Chữ số đứng sau chữ số hàng trăm nghìn (8) là 7 nên khi làm tròn đến hàng trăm nghìn ta thêm 1 đơn vị vào chữ số hàng trăm nghìn ($8 + 1 = 9$) và thay các chữ số sau chữ số hàng trăm nghìn bằng các chữ số 0.

Số 9 875 624 làm tròn đến hàng trăm nghìn là: 9 900 000

Câu 4.

Đáp án đúng là: B

Cho hình vẽ dưới đây:



Trong các số ghi trên đầu tàu và toa tàu ở trên, số bé nhất là: 99 999 999

Câu 5.

Đáp án đúng là: C

Số liền trước của số 200 000 là số: $200\,000 - 1 = 199\,999$

A. 100 000

B. 200 001

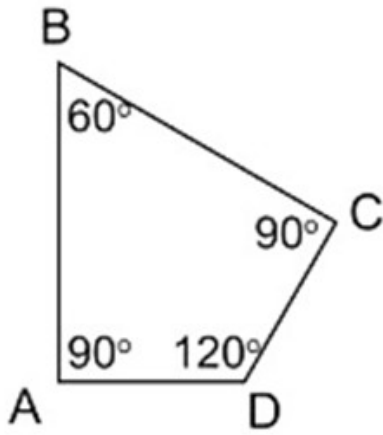
C. 199 999

D. 100 009

Câu 6.

Đáp án đúng là: B

Cho hình vẽ dưới đây:



Góc có số đo 60° là: Góc đỉnh B; cạnh BA, BC.

Câu 7.

Đáp án đúng là: C

Năm 2024 thuộc thế kỉ là: XXI

Câu 8.

Đáp án đúng là: A

Giá trị của biểu thức $(m + 4) \times 3$ với $m = 21$ là $(21 + 4) \times 3 = 25 \times 3 = 75$.

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S

S

a) Số 1 387 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn được: 1 300 000.

Giải thích: Số 1 387 000 có chữ số hàng chục nghìn là 8, mà $8 > 5$ nên ta làm tròn lên.

Vậy số 1 387 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn được: 1 400 000

S

b) Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 33.

Giải thích: Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 11.

S

c) So sánh: $99\,999\,999 > 1\,000\,000\,000$.

Giải thích: Vì số 99 999 999 có 8 chữ số, số 1 000 000 000 có 9 chữ số

Nên $99\,999\,999 < 1\,000\,000\,000$

Đ

d) Chữ số 7 ở số 345 678 910 thuộc hàng chục nghìn.

Câu 10.

a) $8\,000 \times 5 : 4$

$= 40\,000 : 4$

$= 10\,000$

b) $13\,206 \times (28 : 7)$

$= 13\,206 \times 4$

$= 52\,824$

Câu 11.

a) 6 tạ 5 kg = 605 kg

b) $9\,234\text{ cm}^2 = 92\text{ dm}^2\,34\text{ cm}^2$

c) 5 phút 48 giây = 348 giây

d) 5 thế kỉ = 500 năm

Câu 12.

Bài giải

Tâm mua 5 quyển vở hết số tiền là:

$8\,000 \times 5 = 40\,000$ (đồng)

Tổng số tiền mà Tâm phải trả là:

$40\,000 + 25\,000 = 65\,000$ (đồng)

Cô bán hàng phải trả lại Tâm số tiền là:

$100\,000 - 65\,000 = 35\,000$ (đồng)

Đáp số: 35 000 đồng.

Câu 13.

Số lớn nhất là: 875 310.

Số bé nhất là: 103 578.

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN 4-KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ 5

Phần 1. Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Làm tròn số 84 672 đến hàng nghìn thì được số:

- A. 80 000
- B. 85 000
- C. 84 000
- D. 84 600

Câu 2. Sắp xếp các số 332 085; 120 796; 87 900; 332 002 theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 332 085; 120 796; 87 900; 332 002
- B. 87 900; 120 796; 332 002; 332 085
- C. 87 900; 120 796; 332 085; 332 002
- D. 332 085; 332 002; 120 796; 87 900

Câu 3. Chữ số 2 trong số 162 435 thuộc hàng:

- A. Hàng chục
- B. Hàng trăm
- C. Hàng nghìn
- D. Hàng chục nghìn

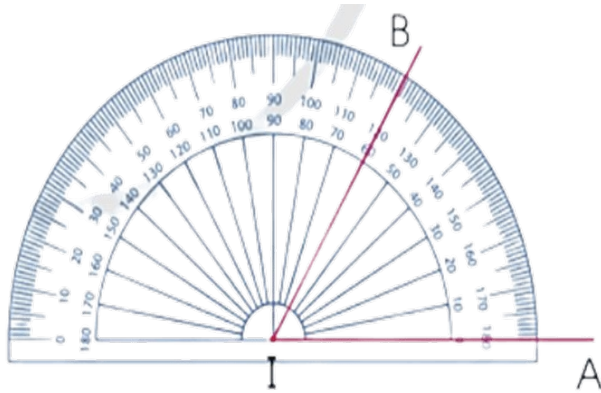
Câu 4. Số liền sau của số 200 000 là số:

- A. 100 000
- B. 200 001

C. 199 999

D. 100 009

Câu 5. Góc đỉnh I cạnh IA, IB có số đo là:



A. 90°

B. 120°

C. 60°

D. 40°

Câu 6. Số chẵn bé nhất có 5 chữ số là:

A. 99 999

B. 11 111

C. 10 001

D. 10 000

Câu 7. Giá trị của biểu thức $(m + 5) \times 4$ với $m = 20$ là

A. 75

B. 100

C. 25

D. 50

Câu 8. Năm 1903, người ta công bố phát minh ra máy bay. Hỏi máy bay được phát minh vào thế kỉ nào?

- A. XIX
- B. XX
- C. IXX
- D. XXI

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. a) Nêu số chẵn thích hợp cho mỗi chỗ chấm sau: (1 điểm)

250; 252; 254; ...;; 260

b) Nêu số lẻ thích hợp cho mỗi chỗ chấm sau:

2 311; 2 313; ...; ...; 2 319; ...; 2 323

Câu 10. Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

a) $2\ 000 \times 8 : 4$

.....

b) $12\ 132 \times (24 : 6)$

.....

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

a) 5 tạ 7 kg =kg

b) $5\ 134\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2 \dots\dots\dots\text{cm}^2$

c) 3 phút 12 giây =giây

d) 4 thế kỉ =năm

Câu 12. Chị Hai mua 3 kg cam hết 60 000 đồng. Hỏi mẹ mua 2 kg cam cùng loại và 1 kg quýt giá 35 000 đồng thì hết bao nhiêu tiền. (2 điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Tính bằng cách thuận tiện nhất. (0,5 điểm)

$$5 \times 74 \times 2$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....